

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Võ Văn Trường

2 Ông Nguyễn Văn Tho

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TL.ST - DS, ngày 17 tháng 04 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh T1, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số C, đường T, khu V, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ – xin vắng mặt

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1977 – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/10/2018 có cho bà Nguyễn Thị Ngọc B vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, lãi thỏa thuận miệng với nhau là 3%/tháng. Ngày 27/12/2018 có cho bà Nguyễn Thị Ngọc B vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, lãi thỏa thuận miệng với nhau là 3%/tháng. Cả hai khoản vay bà B không có đóng lãi hay trả tiền vốn cho ông T.

Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B trả tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là 278.334.000 đồng (tạm tính đến ngày 27/02/2023) và tính lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

2. Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Vào năm 2018 tôi có vay của ông Nguyễn Hữu T số tiền 100.000.000 đồng, sau đó vài tháng có vay thêm 50.000.000 đồng, tôi không nhớ rõ ngày cụ thể. Cả hai lần vay đều có làm biên nhận và tôi có ký tên vào biên nhận. Khi vay thỏa thuận lãi là 500.000 đồng/100.000.000 đồng/ngày. Tôi đóng lãi được 32.000.000 đồng, khi đóng lãi thì không có làm biên nhận hay ai chứng kiến. Nay nguyên đơn yêu cầu trả tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định là 1,66%/tháng thì tôi đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 150.000.000 đồng, còn tiền lãi tôi xin trả lãi là 1%/tháng.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với số tiền vay như sau : Theo biên nhận ngày 26/10/2018 đến ngày 26/2/2022 (48 tháng); từ ngày 27/10/2022 đến 26/02/2023 là 4 tháng; vậy tổng lãi số tiền 100.000.000 đồng = 52 tháng x 1.660.000 đồng = 86.320.000 đồng.

Lãi suất vay đối với số tiền vay theo biên nhận ngày 27/12/2018 là 50.000.000 đồng; từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/12/2022 là 48 tháng; từ ngày 28/12/2022 đến ngày 27/02/2023 là 02 tháng; như vậy, tổng lãi theo số tiền vay 50.000.000 đồng = 50 tháng x 830.000 đồng = 41.500.000 đồng;

Như vậy, Tổng số tiền lãi bà N Ba phải trả cho ông T là 127.820.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng tòa án xác định việc thụ lý, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền

vốn gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 127.820.000 đồng; tổng cộng là 277.820.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn xác định khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trả tiền vay nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện và quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng vào năm 2018 bị đơn có vay của nguyên đơn 02 lần vào ngày 26/10/2018 và ngày 27/12/2018 với số tiền vốn gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng. Quá trình hòa giải các bên thống nhất số tiền gốc phải trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc Ba p trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và có yêu cầu giảm tiền lãi nhưng nguyên đơn không thống nhất và có yêu cầu tính tiền lãi theo quy định.

Về yêu cầu tính lãi: Xét thấy theo hai biên nhận vay tiền ngày 26/10/2018 và biên nhận ngày 27/12/2018 thể hiện cho bị đơn vay tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng, không thể hiện việc các bên có thỏa thuận trả lãi cho nguyên đơn là bao nhiêu, bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều lần tổng cộng là 32.000.000 đồng, nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn có trả số tiền lãi trên cho ông T, hơn nữa việc bị đơn thừa nhận trả lãi nhưng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để xem xét lời trình bày này của bị đơn về việc trả lãi vay.

Nguyên đơn cho rằng thỏa thuận lãi là 3%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói, bị đơn cho rằng thỏa thuận đóng lãi là 500.000 đ/100.000.000 đồng/ngày. Nhưng không có chứng cứ chứng minh. Như vậy các bên có tranh chấp về việc tính lãi nên căn cứ theo quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự về Lãi suất quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”

Như vậy, trong trường hợp này nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự xác định: theo yêu cầu của Đại diện nguyên đơn là có cơ sở: cụ thể như sau:

Theo biên nhận ngày 26/10/2018 đến ngày 26/2/2022 (48 tháng); từ ngày 27/10/2022 đến 26/02/2023 là 4 tháng; vậy tổng lãi số tiền 100.000.000 đồng = 52 tháng x 1.660.000 đồng = 86.320.000 đồng.

Lãi suất vay đối với số tiền vay theo biên nhận ngày 27/12/2018 là 50.000.000 đồng; từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/12/2022 là 48 tháng; từ ngày 28/12/2022 đến ngày 27/02/2023 là 02 tháng; như vậy, tổng lãi theo số tiền vay 50.000.000 đồng = 50 tháng x 830.000 đồng = 41.500.000 đồng;

Như vậy, Tổng số tiền lãi bà N Ba phải trả cho ông T là 127.820.000 đồng.

Do đó, buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Ba p trả cho ông T; tổng cộng số tiền là 150.000.000 đồng + 127.820.000 đồng = 277.820.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 127.820.000 đồng; tổng cộng là 277.820.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ba p chịu số tiền 13.981.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000 đồng theo biên lai thu số 0011070 ngày 17/04/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Hậu Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CC THA DS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính